




Bảng dữ liệu kỹ thuật

AQUAFIN®-P4

Keo bơm đàn hồi Polyurêtan

Mã số vật tư 2 05091

	
SCHOMBURG GmbH & Co. KG Aquafinstraße 2-8 D-32760 Detmold 13 2 05091	
EN 1504-5 AQUAFIN-P4 Vật liệu trám vết nứt đàn hồi để trám các vết nứt, khe hở và chỗ khiếm khuyết	
U(D1) W(1) (1/2) (6/40)	
Khả năng bám dính và co giãn của chất trám vết nứt đàn hồi:	$\geq 0.1 \text{ N/mm}^2$ $\geq 10\%$
Tính chống thấm:	D1
Nhiệt độ chuyển dịch thể lỏng-thể rắn:	-25°C
Tính có thể tiêm vào bằng phương tiện khô:	Cấp độ có thể tiêm vào: 0.1 ở +6°C, +21°C và +30°C
Tính có thể tiêm vào bằng phương tiện không khô:	Cấp độ có thể tiêm vào: 0.1 ở +6°C, +21°C và +30°C
Độ nhớt:	Nhiệt độ tối thiểu: +6°C 288 mPa*s Nhiệt độ thông thường: +21°C 148 mPa*s Nhiệt độ tối đa: +40°C 95 mPa*s
Thời gian hoạt động:	T: +5°C > 40 phút T: +18°C > 30 phút

Đặc tính:

AQUAFIN-P4 là một loại nhựa polyurêtan gồm hai hợp phần, không chứa dung môi, độ nhớt thấp. AQUAFIN-P4 phản ứng chậm và cứng lại thành một loại vật liệu không lan rộng, đàn hồi và không rỗ, nổi bọt nhẹ khi tiếp xúc với nước. AQUAFIN-P4 kết dính loại vật liệu khô và ẩm ướt và có đặc tính dính và chống rách xuất sắc. AQUAFIN-P4 có nhiệt độ chuyển hóa thủy tinh thấp. Nó vẫn bền vững trước nhiệt độ mùa đông mà không trở nên giòn và không rách khi những khe hở mở rộng ra do điều kiện thời tiết lạnh. AQUAFIN-P4 phù hợp cho cả ứng dụng thành phần đơn lẫn ứng dụng thành phần kép.

Lĩnh vực thi công:

AQUAFIN-P4 được dùng để trám lại, chống thấm và hình thành một liên kết đàn hồi cho khe hở, mối nối và

lỗ rỗng trong bê tông, đá tự nhiên hay những cấu trúc lát gạch. AQUAFIN-P4 có thể dùng để chống thấm bãi giữ xe, bể chứa bê tông, tường có rãnh, các tấm lót bên trong đường hầm và các mạch ngừng. Ngoài ra, để bơm chống thấm, có thể dùng vòi bơm vữa để bơm AQUAFIN-CJ1 vào các mạch ngừng trong thi công. Chất AQUAFIN-P4 có tỷ lệ trộn thích hợp là 1: 1 theo thể tích. Có thể bơm AQUAFIN-P4 qua các ống hoặc qua vòi bơm vữa AQUAFIN-CJ1 đặt ngầm trong bê tông. Giấy chứng nhận KTW (tiếp xúc với nước uống) có sẵn cho các khu vực lớn không thấm nước. Đáp ứng các tiêu chí theo DIN EN 1504-5: U(D1) W(1)(1/2/3/4)(5/30)

Thông số kỹ thuật:

Cơ bản:	nhựa polyurêtan
Tỉ lệ trộn:	1:1 phần theo thể tích
Mật độ:	Hợp phần A ở +25°C 0.985 ± 15 g/ml Hợp phần B ở +25°C 1.092 ± 15 g/ml

Độ nhớt trộn:

ở +6°C:	290 ± 50 mPa·s
ở +15°C:	170 ± 40 mPa·s
ở +25°C:	150 ± 30 mPa·s

Thời gian bảo quản:

ở +5°C:	30-40 phút
ở +18°C:	25-35 phút
ở +23°C:	17-27 phút
Nhiệt độ thi công:	+5°C to +30°C

Khung thời gian sệt/khô:

ở +6°C:	15.0 ± 2 giờ
ở +15°C:	14.5 ± 1.5 giờ
ở +25°C:	11.5 ± 1 giờ
Shore A:	55 ± 3

Cường độ kéo căng

(đến DIN EN 1504-5): 0.58 ± 0.12 mPa·s

Độ giãn dài tới hạn

(đến EN ISO 527-1/-2): 192 ± 38%

Làm sạch dụng cụ:

Thiết bị và dụng cụ phải được làm sạch hoàn toàn sau khi sử dụng. Khi xong việc hoặc khi có những lúc gián đoạn lâu trong công việc, cần làm

AQUAFIN®-P4

	sạch thiết bị bơm. Đừng để phần vật liệu dư khô và cứng lại trong máy. Bất kỳ chất tẩy rửa hay dung môi nào cũng phải có điểm bắt cháy trên +21°C. Vui lòng làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất máy.
Bao bì:	2,1 kg (1,00 kg hợp phần A và 1,1 kg hợp phần B). 10,50 kg (5,00 kg hợp phần A và 5,50 kg hợp phần B). Hợp phần A và B được giao với tỉ lệ trộn xác định trước.
Bảo quản:	24 tháng khi bảo quản không đóng băng trong bao bì còn nguyên chưa mở trong điều kiện khô và mát ở nhiệt độ giữa +10°C và +30°C. Hãy bảo đảm sản phẩm được bảo quản theo quy định bảo quản vật liệu nguy hiểm cho dòng nước.

Chuẩn bị vật liệu:

Phải đáp ứng các tiêu chí sau:

Bề mặt gốc xi măng:

- Chất lượng bê tông: tối thiểu C20/25
- Chất lượng láng nền: tối thiểu CT-C35-F5
- Chất lượng vữa: P III
- Tuổi: tối thiểu 28 ngày
- Cường độ dính kéo căng: $\geq 1,5 \text{ N/mm}^2$

Chuẩn bị sản phẩm:

Hợp phần A (rượu đa chức) và hợp phần B (muối isoxianat) được cung cấp với tỉ lệ trộn định trước. Cho hợp phần B vào hợp phần A. Đảm bảo rằng chất làm cứng (hợp phần B) được xả hoàn toàn khỏi bao chứa của nó. Trộn cả hai hợp phần bằng cách sử dụng một máy trộn ở mức khoảng 300 rpm (ví dụ như cái khoan với cánh trộn). Điều quan trọng là cũng trộn cả ở hai bên và ở đáy. Trộn đến khi hỗn hợp đồng nhất (không còn sọc). Trộn các hợp phần với nhau càng nhanh càng tốt.

Dụng cụ thi công*:

Máy ép đôn bẩy dùng tay, bàn đập ép dùng chân, máy bơm một hợp phần (bơm phun hoặc bơm piston) hoặc máy bơm hai hợp phần. (Làm việc với máy bơm hai hợp phần cần có máy trộn kim loại đặc biệt nếu đảm bảo được chất lượng sản phẩm không có sai sót).

* Nhằm đảm bảo tiến hành công tác thi công bằng thiết bị bơm phù hợp, chúng tôi đề nghị liên hệ HTG HIGH TECH Germany GmbH tại Berlin, www.hightechspray.de.

Biện pháp thi công/Lượng tiêu thụ:

Keo bơm trộn thường được bơm qua lỗ khoan và máy đóng gói vào trong khe hở cần chống thấm cho đến khi nó trào ra khỏi lỗ điều khiển.

Ví dụ:

1. Khoan vào khe hở hiện hữu (chiều rộng khe khoảng 0,2 mm) ở cự ly thích hợp khoảng 20-30 cm.
2. Làm sạch bụi khoan khỏi lỗ khoan bằng cách sử dụng khí nén không dầu.
3. Đặt máy bơm đóng gói vào vị trí.
4. Chốt máy bơm đóng gói đã được chèn và khu vực bị nứt trên bề mặt, theo yêu cầu, bằng vật liệu ví dụ như ASODUR-EK98.
Bề rộng của dải vào khoảng 15 cm.
Mức tiêu thụ: khoảng 300 g/mét thường
5. Khi miếng bịt khe hở đã cứng lại, bơm AQUAFIN-P4 đã được trộn kỹ bằng cách sử dụng thiết bị bơm phù hợp.
Vết nứt dọc: bắt đầu bơm từ bên dưới, còn đối với khe hở ngang thì đi từ bên trái.
Mức tiêu thụ: khoảng 1000 g/l.
6. Khi keo bơm đã khô, gỡ bỏ máy bơm đóng gói khi cần thiết và lấp lỗ khoan bằng ASOCRET-RN.

Sức khỏe và an toàn:

Sau khi đã khô AQUAFIN-P4 được xem như vô hại. Hợp phần lỏng có hại; ký hiệu Xn. Khi sử dụng sản phẩm hãy làm theo hướng dẫn về sức khỏe và an toàn của chính phủ, trang M 044 cũng như lời khuyến cáo trên bao bì.

Khuyến cáo quan trọng:

- Hãy bảo vệ những khu vực mà sẽ không được xử lý nhằm kháng lại ảnh hưởng của AQUAFIN-P4.
- Đối với những vết nứt, khe hở chứa nước cần bơm trước AQUAFIN-P1 để ngăn chặn nước xâm nhập.

AQUAFIN®-P4

- Các ứng dụng thi công không được giải thích rõ ràng trong bảng dữ liệu kỹ thuật này chỉ có thể được thực hiện sau khi tham vấn và được xác nhận bằng văn bản từ Ban Dịch Vụ Kỹ Thuật SCHOMBURG GmbH.
- Mã tiêu hủy:
Phần chất lỏng dư của sản phẩm: sơn và chất thải sơn EAK 08 01 11, có chứa dung môi hữu cơ và những chất có hại khác. Phần dư của sản phẩm đã khô: nhựa plastic EAK 17 02 03.

Vui lòng tuân thủ một Bảng dữ liệu Sức khỏe & An toàn EU còn hiệu lực.

GISCODE: PU40